

NGUỒN LỰC TỰ NHIÊN ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Trình bày được các nguồn lực tự nhiên để phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.
- Đánh giá được thế mạnh và hạn chế của nguồn lực tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi.
- Nhận xét và phân tích được vai trò của nguồn lực tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi thông qua quan sát các tranh ảnh, bảng số liệu.
- Sưu tầm tư liệu và giới thiệu được về nguồn lực tự nhiên của địa phương.



MỞ ĐẦU

Nguồn lực tự nhiên của Quảng Ngãi khá phong phú và đa dạng, là cơ sở để đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế, góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh. Nguồn lực tự nhiên của tỉnh Quảng Ngãi có đặc điểm gì và tác động như thế nào đến phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh?

1. Khí hậu

Quảng Ngãi có đầy đủ tính chất của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Mặt khác, do phía tây tỉnh Quảng Ngãi nằm tựa lưng vào khối núi Kon Tum và phía đông hướng ra vùng biển rộng lớn nên khí hậu mang tính chất của vùng khí hậu Nam Trung Bộ. Nhiệt độ trung bình năm trên 25°C , số giờ nắng trung bình năm từ 2 000 – 2 500 giờ, tổng nhiệt độ bình quân năm 9 000 – 9 500 $^{\circ}\text{C}$. Độ ẩm không khí trung bình năm khá cao và tổng lượng mưa trung bình năm lớn (trên 2 100 mm).

Khí hậu thuận lợi cho hoạt động sản xuất, đặc biệt là sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi, tạo cơ sở phát triển sản xuất nông nghiệp nhiệt đới.

Khí hậu của tỉnh có hai mùa rõ rệt. Mùa mưa chủ yếu vào mùa thu – đông, từ tháng 9 đến tháng 12, lượng mưa lớn (chiếm 70 – 80% lượng mưa cả năm) gây nên lũ quét, xói mòn và sạt lở đất nghiêm trọng. Mùa khô kéo dài từ tháng 1 đến tháng 8, lượng mưa rất thấp (chiếm 20 – 30% lượng mưa cả năm) dẫn đến hạn hán gay gắt, nhất là vào thời kì từ tháng 2 đến tháng 5 (chỉ chiếm 10% lượng mưa cả năm). Do đó, để khai thác hiệu quả và khắc phục những khó khăn do sự phân mùa của khí hậu cần phải có biện pháp tổng thể để đảm bảo nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt vào mùa khô và hạn chế những thiệt hại do mưa lũ gây ra trong mùa mưa.

Hàng năm, ở Quảng Ngãi thường xuyên xảy ra các thiên tai như: bão, lũ lụt, hạn hán,... và các nhiễu động thời tiết như: đông nhiệt, gió mùa Đông Bắc, gió Tây khô nóng,... gây khó khăn cho các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân.



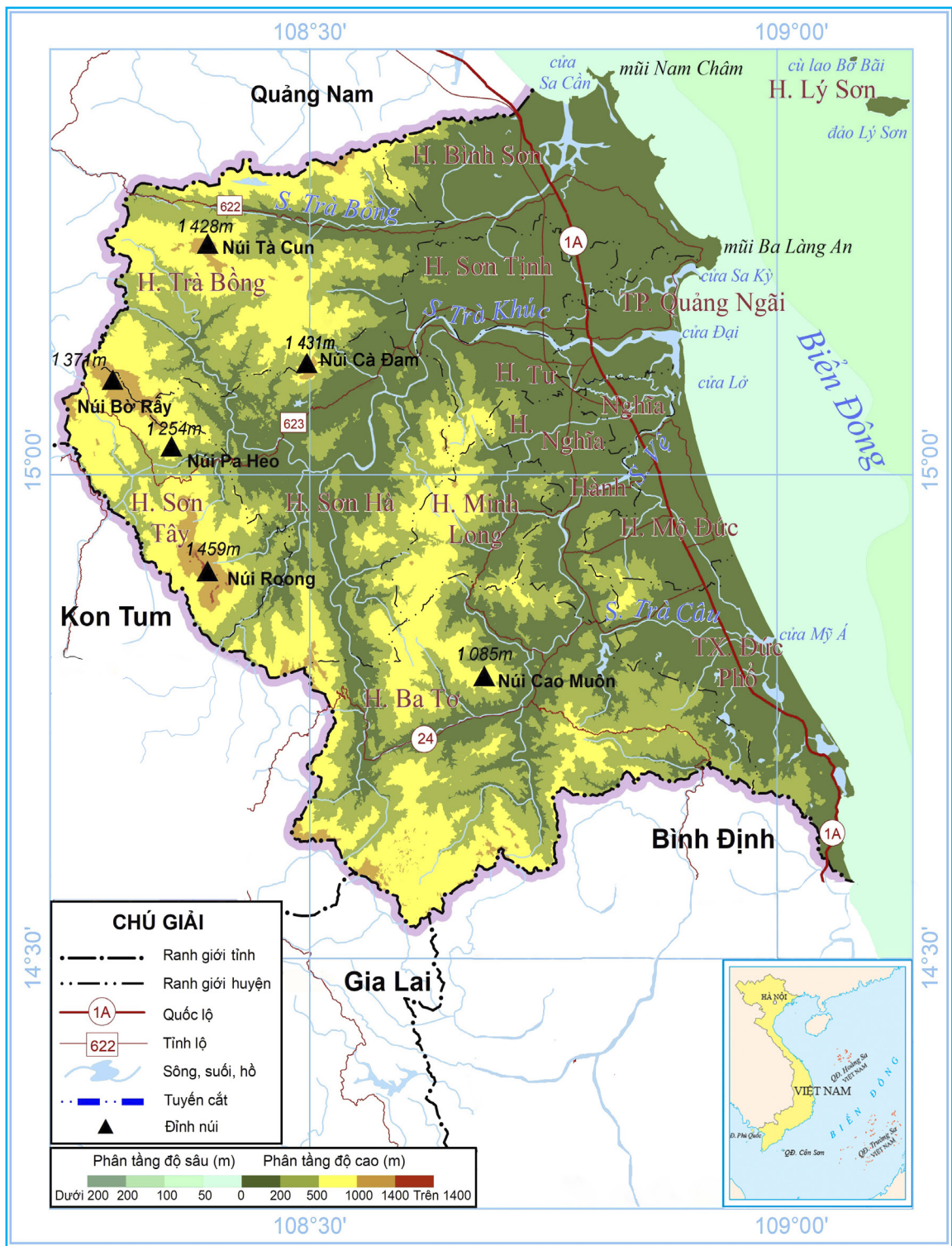
Hình 3.1. Sạt lở đất ở huyện Sơn Tây



Hình 3.2. Hạn hán ở xã Phổ Cường
(thị xã Đức Phổ)



Đọc thông tin ở mục 1, hãy phân tích vai trò của khí hậu đối với sản xuất và đời sống người dân tỉnh Quảng Ngãi.



Hình 3.3. Lược đồ tự nhiên tỉnh Quảng Ngãi

2. Đất

Đất đai của tỉnh Quảng Ngãi phong phú và đa dạng, có 3 nhóm đất chính là nhóm đất phù sa, nhóm đất feralit và nhóm các loại đất khác, với nhiều loại đất khác nhau như đất phù sa, đất cát biển, đất xám, đất đỏ, đất đen, đất glây,... Trong đó, đất phù sa, đất xám, đất đỏ, đất đen là các loại đất có diện tích lớn đang được khai thác và sử dụng trong phát triển kinh tế.

Đất xám là loại đất có diện tích lớn nhất với gần 37,7 nghìn ha (chiếm 73,42% tổng diện tích toàn tỉnh), phân bố ở vùng đồi thấp, rìa đồng bằng và vùng núi thấp thuộc các huyện: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Tây, Trà Bồng. Loại đất này có đặc tính là độ phì thấp, nghèo dinh dưỡng nên chủ yếu phát triển cây lâm nghiệp. Tuy nhiên, nếu có giải pháp khai khác hợp lí thì có thể phát triển sản xuất cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm.

Đất phù sa có diện tích trên 9,7 nghìn ha (chiếm 18,93% tổng diện tích toàn tỉnh), phân bố chủ yếu ở đồng bằng các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức, thị xã Đức Phổ, thành phố Quảng Ngãi và thung lũng sông của vùng đồi núi. Loại đất này thích hợp cho việc trồng cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp hàng năm, góp phần đảm bảo nhu cầu lương thực cho nhân dân cũng như phát triển các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm.

Đất đỏ (chiếm 1,58% tổng diện tích toàn tỉnh) phân bố chủ yếu ở các huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn. Đất đen (chiếm 0,45% tổng diện tích toàn tỉnh) phân bố chủ yếu ở phía đông huyện Bình Sơn, đông bắc huyện Sơn Tịnh và huyện Lý Sơn. Hai loại đất này có diện tích nhỏ nhưng khá màu mỡ, thuận lợi cho sản xuất nông sản hàng hoá, phát triển cây trồng như điều, cao su, hành, tỏi,...

Nhìn chung, chất lượng đất của Quảng Ngãi vào loại trung bình so với các tỉnh khác trong cả nước, các loại đất chất lượng tốt chỉ chiếm khoảng 22,41% diện tích tự nhiên toàn tỉnh.



Dựa vào thông tin ở mục 2 và hình 3.3, hãy:

- Kể tên và xác định trên lược đồ khu vực phân bố của các nhóm đất chính ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Nêu giá trị các loại đất đối với sản xuất nông nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nước

Tài nguyên nước của tỉnh Quảng Ngãi khá dồi dào. Mạng lưới sông ngòi của tỉnh phân bố tương đối đều với bốn sông lớn: Trà Bồng, Trà Khúc, Sông Vệ và Trà Câu. Các sông đều bắt nguồn từ các dãy núi phía tây và đổ ra Biển Đông với đặc điểm chung là ngắn, dốc, lòng sông cạn và hẹp với lưu lượng nước có sự phân hoá rõ rệt giữa các mùa trong năm.

Sông ngòi của tỉnh Quảng Ngãi là nguồn cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt. Ngoài ra, hằng năm một lượng phù sa đáng kể được bồi đắp cho vùng đồng bằng ven biển. Các phụ lưu của những hệ thống sông lớn đều bắt nguồn từ vùng núi phía tây có độ dốc lớn, lượng nước khá dồi dào, tạo nên nguồn thủy năng có giá trị.

Tuy nhiên, sự phân bố quá chênh lệch về lưu lượng nước giữa các mùa trong năm trên sông ngòi của tỉnh gây nhiều khó khăn cho sản xuất. Mùa lũ bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 12, dòng chảy trong mùa lũ trên các sông rất lớn và biến đổi phức tạp, gây ra tình trạng ngập lụt ở đồng bằng hạ lưu các sông lớn. Mùa cạn kéo dài từ tháng 1 đến tháng 9 với lượng nước trên các sông ít, dẫn đến nhiều nơi thiếu nước để phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt.

Các hồ tự nhiên và hồ thủy điện trên các sông có vai trò rất lớn trong điều tiết nguồn nước, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội.

Ngoài nguồn nước ngọt do các sông ngòi cung cấp, Quảng Ngãi còn có lượng nước ngầm khá phong phú, chất lượng nước ngầm được đánh giá là nguồn nước sạch, đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh. Nguồn nước ngầm có ý nghĩa quan trọng và đang được khai thác để phục vụ cho đời sống và sản xuất, nhất là vào mùa khô.

Nguồn nước khoáng của tỉnh Quảng Ngãi cũng rất đáng chú ý. Hiện nay, có 2 mỏ nước khoáng nóng quan trọng là Thạch Bích (huyện Trà Bồng) và Nghĩa Thuận (huyện Tư Nghĩa). Các mỏ nước khoáng nóng này đang được khai thác phục vụ cho công nghiệp và du lịch nghỉ dưỡng. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có 7 điểm nước khoáng nóng là Đá Đen, Phước Thọ (huyện Sơn Tịnh); Xã Diệu (huyện Sơn Hà); Sơn Mùa (huyện Sơn Tây); Kim Đồng (huyện Nghĩa Hành); Tú Sơn, Thạch Trụ (huyện Mộ Đức).



- Đọc thông tin ở mục 3, hãy cho biết vai trò của tài nguyên nước trong phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.
- Kể tên một số hồ thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi mà em biết.

4. Rừng

Cấu trúc đa dạng của địa hình, lớp vỏ thổ nhưỡng và những thuận lợi của đặc điểm khí hậu là điều kiện tạo nên hệ động, thực vật ở tỉnh Quảng Ngãi khá phong phú và đa dạng.

Thảm thực vật rừng bao gồm nhiều loại khác nhau: rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá, rừng tre nứa, rừng trồng. Ngoài diện tích rừng phân bố ở vùng núi phía tây của tỉnh, còn có một số diện tích nhỏ rừng ngập mặn phân bố chủ yếu ở vùng bờ

biển huyện Bình Sơn, thành phố Quảng Ngãi tạo điều kiện thuận lợi phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn và phát triển du lịch sinh thái.

Rừng tự nhiên ở Quảng Ngãi có nhiều loài gỗ quý như gỗ, sến, chò, lim, trắc, táu,...; có nhiều cây dược liệu quý như sa nhân, hà thủ ô, thiên niên kiện, ngũ gia bì,...; các loài cây làm nguyên liệu cho ngành tiểu thủ công nghiệp có giá trị xuất khẩu như mây, song, lá nón,...

Về động vật hoang dã gồm có thú như hổ, gấu, tê tê, khỉ, lợn rừng, hoẵng, nai, nhím; các loài chim như gà rừng, gà gô, cu gáy, vẹt ngực đỏ, vẹt đầu hồng.

Diện tích rừng toàn tỉnh khoảng 283 nghìn ha, trong đó có 105,7 nghìn ha là rừng tự nhiên, 177,3 nghìn ha rừng trồng, độ che phủ rừng khoảng 54,8% (năm 2020). Rừng chủ yếu là rừng trung bình và rừng nghèo, rừng giàu chỉ còn lại rất ít ở một số huyện miền núi như Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây.



Đọc thông tin ở mục 4, hãy trình bày vai trò của rừng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.

5. Biển

Quảng Ngãi có đường bờ biển dài khoảng 130 km, thuộc thành phố Quảng Ngãi, các huyện Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức và thị xã Đức Phổ. Bờ biển ở đây bị chia cắt bởi các cửa sông và đầm. Ven biển có nhiều gành đá, khối đá xâm thực, các điểm lộ của mắc ma xâm nhập nên có khá nhiều mũi đá nhô ra biển và có các ghềnh đá ngầm chia cắt bờ thành những vũng, vịnh lớn nhỏ như Vũng Quýt (Dung Quất), vũng An Vĩnh,... Nhiều đoạn bờ biển có địa hình thoải hình thành nên nhiều bãi tắm đẹp như Mỹ Khê, Đức Minh, Đức Phong, Sa Huỳnh,... có thể khai thác dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng.

Đọc bờ biển Quảng Ngãi còn có nhiều cửa biển như cửa Sa Cần, cửa Sa Kỳ, cửa Mỹ Á,... Các cửa biển, vũng, vịnh là nơi neo đậu cho tàu thuyền của ngư dân và hình thành các cảng nước sâu, đóng vai trò quan trọng trong giao thông đường biển của tỉnh. Các bãi triều, vũng, các vùng nước lợ, cửa sông, rừng ngập mặn,... ở vùng ven biển thuận lợi phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ. Vùng ven biển phía nam (Sa Huỳnh, thị xã Đức Phổ) thuận lợi phát triển nghề làm muối.

Vùng biển khá rộng lớn và có nguồn lợi thủy sản phong phú bao gồm các loài cá tầng nổi, cá tầng đáy và các loài giáp xác thân mềm như: tôm hùm, tôm sú, tôm chỉ, cua, ghẹ, mực ống, mực nang,... có giá trị kinh tế cao.

Nguồn lợi cá nổi là thế mạnh của vùng biển Quảng Ngãi, trữ lượng trung bình khoảng 42 nghìn tấn, sản lượng cho phép khai thác trung bình hằng năm khoảng

19 nghìn tấn. Nguồn lợi cá tầng đáy trữ lượng khoảng 26 nghìn tấn, sản lượng cho phép khai thác trung bình hằng năm khoảng 8 nghìn tấn, trong đó khả năng khai thác trung bình của tôm biển các loại là 550 tấn, mực các loại là 1 000 tấn. Nhiều loại đặc sản biển có giá trị kinh tế như tôm hùm, cua huỳnh đế, các loại ốc biển,... Ngoài ra, vùng biển ở tỉnh Quảng Ngãi còn có các loài thực vật biển như: rong câu chỉ vàng, rong câu chân vịt, rong sụn, tập trung ven bờ đảo Lý Sơn là chủ yếu, hằng năm khai thác ước tới hàng chục tấn.

Đảo Lý Sơn được hình thành vào giai đoạn Holocen bởi đá phun trào ba dan. Bề mặt địa hình để lại nhiều miệng núi lửa điển hình, tạo nên vẻ đẹp tự nhiên, có lợi thế khai thác du lịch. Lý Sơn là đảo tiền tiêu, tuyến đầu bảo vệ vùng biển, hải đảo nước ta.



Hình 3.4. Bãi biển Sa Huỳnh



Dựa vào thông tin ở mục 5 và hình 3.3, hãy chứng minh tài nguyên biển của tỉnh Quảng Ngãi có nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế – xã hội.

6. Khoáng sản

Nguồn tài nguyên khoáng sản của tỉnh Quảng Ngãi khá đa dạng, thuộc 3 nhóm chính: nhóm kim loại, nhóm phi kim loại, nhóm vật liệu xây dựng. Cho đến nay, đã phát hiện 60 điểm có quặng và mỏ khoáng sản như: vàng, sắt, đồng, bôxit, cao lanh, graphit, mica, đá granit,... Tuy nhiên, phần lớn là các điểm và mỏ khoáng sản có trữ lượng nhỏ, chất lượng thấp, trừ một số mỏ có khả năng khai thác tốt như cao lanh, granit, graphit.

Nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng của tỉnh khá đa dạng và phong phú, bao gồm các mỏ granit, laterit, cát, sỏi, sạn, cuội,... Các khoáng sản vật liệu xây dựng tạo nguồn nguyên liệu để hình thành và phát triển ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản và vật liệu xây dựng như: khai thác đá xây dựng, sản phẩm ốp lát từ đá, gạch tuy-nen, gạch không nung,...



Đọc thông tin ở mục 6, hãy cho biết nguồn tài nguyên khoáng sản của tỉnh Quảng Ngãi thuận lợi để phát triển những ngành kinh tế nào.



LUYỆN TẬP

1. Vẽ sơ đồ thể hiện các nguồn lực tự nhiên của tỉnh Quảng Ngãi.
2. Nêu tác động của nguồn lực tự nhiên đối với sản xuất nông nghiệp và sản xuất công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi.
3. Vì sao cần phải khai thác hiệu quả và bảo vệ nguồn lực tự nhiên của tỉnh Quảng Ngãi?



VẬN DỤNG

Lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau:

1. Sưu tầm hình ảnh, tư liệu và giới thiệu về nguồn lực tự nhiên ở địa phương em đang sinh sống.
2. Viết báo cáo ngắn gọn về việc khai thác và sử dụng một nguồn lực tự nhiên ở địa phương em.